

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Số: /SNN&PTNT-KL

Thanh Hóa, ngày tháng 11 năm 2022

V/v tiếp tục rà soát nhu cầu thực hiện
Tiểu dự án 1, Dự án 3, Chương trình mục
tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội
vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền
núi năm 2023.

Kính gửi: UBND các huyện: Mường Lát, Quan Sơn, Quan
Hóa, Bá Thước, Lang Chánh, Thường Xuân, Như
Xuân, Như Thanh, Thạch Thành, Triệu Sơn.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhận được Công văn số
1079/BDT-KHTH ngày 08/11/2022 của Ban Dân tộc về việc dự kiến phương án
phân bổ vốn sự nghiệp nguồn ngân sách trung ương năm 2023 thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân
tộc thiểu số và miền núi, theo đó, kinh phí thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 3 năm
2023 là 103.059 triệu đồng.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tổng hợp nhu cầu hỗ trợ bảo
vệ rừng và hỗ trợ Khoán bảo vệ rừng năm 2023 của các đơn vị, xây dựng
phương án phân bổ chi tiết cho 02 nội dung trên tại Công văn số
5056/SNN&PTNT-KL ngày 18/11/2022 (*gửi kèm*) với kinh phí đề nghị phân bổ
đợt 1 là 46.725,8 triệu đồng.

Đối với số kinh phí 56.333,2 triệu đồng chưa xây dựng phương án phân bổ
chi tiết, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị các đơn vị căn cứ vào đối
tượng được hỗ trợ tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ
tướng Chính phủ, điều kiện được hỗ trợ quy định tại Thông tư số 15/2022/TT-BTC
ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính, Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT ngày
20/9/2022 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, tiếp tục rà soát nhu cầu hỗ
trợ thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 3 năm 2023 các nội dung hỗ trợ khoanh nuôi tái
sinh có trồng rừng bổ sung, hỗ trợ trồng rừng sản xuất, hỗ trợ trồng rừng phòng hộ,
trợ cấp gạo, cụ thể:

1. Đối tượng hỗ trợ

Hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số, hộ gia đình người Kinh nghèo đang
sinh sống ổn định tại các xã khu vực II, khu vực III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg
ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Nội dung và điều kiện đăng ký hỗ trợ

2.1. Hỗ trợ khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung

2.1.1. Đối tượng khoanh nuôi: Diện tích đất quy hoạch cho phát triển rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc đối tượng khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung đáp ứng các tiêu chí theo Điều 5 Thông tư số 29/2018/TT-BNNPNT, cụ thể:

a) Diện tích không đạt tiêu chí thành rừng do khai thác kiệt;

Nương rẫy bỏ hoang, đất có trảng cỏ, cây bụi xen cây gỗ và bãi bồi cửa sông, ven biển có mật độ cây tái sinh mục đích đạt chiều cao trên 0,5 m từ 300 cây/ha đến dưới 500 cây/ha đối với rừng phòng hộ, rừng sản xuất hoặc từ 100 cây/ha đến dưới 500 cây/ha đối với rừng đặc dụng (trừ phân khu bảo vệ nghiêm ngặt, phân bố không đều, có các khoảng trống từ 1000 m² đến dưới 3000 m²;

Nương rẫy bỏ hoang, đất có trảng cỏ, cây bụi xen cây gỗ và bãi bồi cửa sông, ven biển có mật độ cây tái sinh mục đích đạt chiều cao trên 0,5 m trên 500 cây/ha, phân bố không đều, có các khoảng trống lớn hơn 1000 m²;

b) Diện tích tre nứa sau khai thác có tỷ lệ che phủ dưới 20%, có khả năng tự tái sinh phục hồi thành rừng đối với rừng phòng hộ, rừng đặc dụng (trừ phân khu bảo vệ nghiêm ngặt).

2.1.2. Điều kiện đăng ký hỗ trợ:

- Hộ gia đình có nhu cầu khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung trên diện tích đất rừng phòng hộ, rừng sản xuất là rừng tự nhiên được giao (theo Khoản 2, Điều 19, Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT ngày 20/9/2022)

- Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc quyết định giao đất của cấp có thẩm quyền (theo Điểm b, Khoản 3, Điều 19, Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT ngày 20/9/2022).

2.2. Hỗ trợ trồng rừng sản xuất

2.2.1. Đối tượng đất trồng rừng sản xuất: đất được quy hoạch phát triển rừng sản xuất đã giao ổn định, lâu dài cho hộ gia đình được hỗ trợ một lần cho chu kỳ đầu tiên để trồng rừng sản xuất bằng loài cây lấy gỗ, cây lâm sản ngoài gỗ (Khoản 5, Điều 9, Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính), không hỗ trợ trồng rừng sản xuất trên diện tích đất sau khai thác.

2.2.2. Điều kiện đăng ký hỗ trợ:

- Hộ gia đình có nhu cầu hỗ trợ trồng rừng sản xuất bằng loài cây lấy gỗ, cây lâm sản ngoài gỗ trên diện tích đất lâm nghiệp được quy hoạch phát triển rừng sản xuất được giao (theo Khoản 2, Điều 20, Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT ngày 20/9/2022)

- Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc quyết định giao đất, cho thuê đất của cấp có thẩm quyền hoặc đã sử dụng đất ổn định trong vòng 3 năm trở lên không có tranh chấp (theo Điểm b, Khoản 3, Điều 20, Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT ngày 20/9/2022)

2.3. Hỗ trợ trồng rừng phòng hộ

2.3.1. Đối tượng trồng rừng phòng hộ: Diện tích đất lâm nghiệp được quy hoạch trồng rừng phòng hộ theo quy định tại Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT (Khoản 1, Điều 21, Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT ngày 20/9/2022).

2.3.2. Điều kiện đăng ký hỗ trợ

- Hộ gia đình có nhu cầu hỗ trợ trồng rừng phòng hộ trên diện tích đất lâm nghiệp quy hoạch trồng rừng phòng hộ được giao (theo Khoản 2, Điều 21, Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT ngày 20/9/2022).

- Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc quyết định giao đất, cho thuê đất của cấp có thẩm quyền hoặc đã sử dụng đất ổn định trong vòng 3 năm trở lên không có tranh chấp (theo Điểm b, Khoản 3, Điều 21, Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT ngày 20/9/2022).

2.4. Trợ cấp gạo

2.4.1. Đối tượng được trợ cấp: Hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số, hộ gia đình người Kinh nghèo có tham gia bảo vệ rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh có trồng bổ sung, trồng rừng phòng hộ, trồng rừng sản xuất và phát triển lâm sản ngoài gỗ trên diện tích đất lâm nghiệp được giao trong thời gian chưa tự túc được lương thực. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác định cụ thể **đối tượng hộ gia đình nghèo** chưa tự túc được lương thực (Khoản 1, Điều 22, Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT ngày 20/9/2022).

2.4.2. Điều kiện đăng ký hỗ trợ

- Hộ gia đình nghèo chưa tự túc được lương thực. Đối tượng chưa tự túc được lương thực, thời gian chưa tự túc được lương thực trong năm đề nghị trợ cấp gạo (từ tháng đến tháng hàng năm) do UBND huyện xác định.

.- Không thuộc đối tượng được đang được trợ cấp gạo theo các Đề án hỗ trợ gạo cho công tác bảo vệ và phát triển rừng hiện hành và các chương trình, đề án, dự án khác.

- Trong trường hợp hộ đã từng được hỗ trợ gạo cho công tác bảo vệ phát triển rừng thì phải đảm bảo thời gian đã được hưởng trợ cấp gạo chưa quá 7 năm.

- Hộ gia đình thực hiện bảo vệ rừng theo quy định tại Điều 18; khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung theo quy định tại Điều 19; trồng rừng sản xuất bằng loài cây lấy gỗ, cây lâm sản ngoài gỗ theo quy định tại Điều 20 và trồng rừng phòng hộ theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT; Hộ gia đình có hợp đồng giao khoán bảo vệ rừng (hoặc thuộc cộng đồng được giao khoán bảo vệ rừng) quy định tại Điều 17 Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT.

Đối với nội dung Trợ cấp gạo, đề nghị UBND các huyện rà soát nhu cầu thực hiện giai đoạn 2023-2025 trong Tiểu dự án 1, dự án 3; trên cơ sở đó xây dựng Dự án Trợ cấp gạo giai đoạn 2023-2025 của huyện, trình UBND tỉnh phê duyệt. Sau khi Dự án Trợ cấp gạo của huyện được phê duyệt, gửi về Sở Nông

ng nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, làm căn cứ xây dựng kế hoạch phân bổ vốn.

(Chi tiết theo các mẫu biểu gửi kèm)

Văn bản đăng ký của các đơn vị đề nghị gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT trước ngày 30/11/2022 để tổng hợp, làm cơ sở xây dựng phương án phân bổ vốn Tiểu dự án 1, Dự án 3, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đợt 2 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KL.

GIÁM ĐỐC

Cao Văn Cường